

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 05-01-2024

"*V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2023/TLST – DS ngày 18 tháng 9
năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 307/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 301/2023/QĐST-DS ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị V** – sinh năm 1957 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị **Võ Thị T** – sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày:**

Chị Võ Thị T có tham gia 09 dây hụi tháng do bà Võ Thị V làm đầu T cụ
thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000đ, mỗi tháng khui một lần, mở hụi ngày
19/5/2021 ăl, có 25 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khui hụi đầu T hưởng
hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khui hụi thứ 11, chị T lãnh hụi với số tiền là
98.300.000đ, trừ 2.500.000đ T hụi, bà V giao chị T số tiền hụi là 95.800.000đ,
chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hụi, chị T

đóng được 10 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 04 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 4 \text{ lần} = 20.000.000đ$.

- Dây hội thứ hai: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 06/10/2021 âm, có 22 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 08, chị T lãnh hội với số tiền là 83.300.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 80.800.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 09 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 05 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 5 \text{ lần} = 25.000.000đ$.

- Dây hội thứ 3: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 02/7/2022 âm, có 25 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 05, chị T lãnh hội với số tiền là 86.000.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 83.500.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 02 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 18 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 18 \text{ lần} = 90.000.000đ$.

- Dây hội thứ 4: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 04/5/2022 âm, có 23 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 08, chị T lãnh hội với số tiền là 85.250.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 82.750.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 01 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 14 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 14 \text{ lần} = 70.000.000đ$.

- Dây hội thứ 5: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 12/11/2021 âm, có 23 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 04, chị T lãnh hội với số tiền là 84.350.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 81.850.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 11 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 08 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 8 \text{ lần} = 40.000.000đ$.

- Dây hội thứ 6: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 15/8/2022 âm, có 25 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 01, chị T lãnh hội với số tiền là 84.000.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 81.500.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 19 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 04 lần hội chết với số tiền là $5.000.000đ \times 19 \text{ lần} = 95.000.000đ$.

- Dây hội thứ 7: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 24/01/2022 âm, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T

hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 06, chị T lãnh hội với số tiền là 75.400.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 72.900.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 13 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 07 lần hội chết với số tiền là 5.000.000đ x 7 lần = 35.000.000đ.

- Dây hội thứ 8: Hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 28/01/2022 âm, có 20 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 01, chị T lãnh hội với số tiền là 68.400.000đ, trừ 2.500.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 65.900.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 13 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 07 lần hội chết với số tiền là 5.000.000đ x 7 lần = 35.000.000đ.

- Dây hội thứ 9: Hội 2.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, mở hội ngày 26/7/2022 âm, có 25 phần, chị T tham gia 01 phần. Mỗi lần khai hội đầu T hưởng hoa hồng 2.500.000đồng. Đến lần khai hội thứ 06, chị T lãnh hội với số tiền là 37.170.000đ, trừ 1.000.000đ T hội, bà V giao chị T số tiền hội là 36.170.000đ, chị T trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận. Sau khi lãnh hội, chị T đóng được 19 lần hội chết thì ngưng. Ở đây hội này chị T còn nợ bà V 06 lần hội chết với số tiền là 2.000.000đ x 6 lần = 12.000.000đ.

Tổng cộng 09 dây hội trên chị T nợ bà V số tiền là 422.000.000đ.

Tuy nhiên vào tháng 9/2023, chị T đã cho bà V được số tiền nợ hội là 250.000.000đ, còn nợ lại số tiền 172.000.000đ. Do đó, bà V xin rút lại một phần đơn khởi kiện đối với số tiền nợ hội là 250.000.000đ.

Nay bà V yêu cầu chị Võ Thị T phải trả số tiền nợ hội là 172.000.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

** Đối với bị đơn chị Võ Thị T:*

Chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội giữa bà và chị Võ Thị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều

227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hụi giữa bà Võ Thị V và chị Võ Thị T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà V yêu cầu chị T phải trả số tiền nợ hụi là 422.000.000đ.

Ngày 10/11/2023, bà V có đơn xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền nợ hụi là 250.000.000đ. Xét bà V xin rút lại một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

Nay bà V chỉ yêu cầu chị T trả số tiền hụi còn nợ là 172.000.000đ.

Xét thấy, bà V là chủ T của 09 dây hụi trong đó có chị T là hụi viên. Việc chị T tham gia chơi hụi và được lãnh hụi bà V đã giao tiền hụi cho chị T. Tuy nhiên, sau khi lãnh hụi chị T không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bà V. Bà V là chủ T phải chèn hụi chết thay cho chị T dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V bị ảnh hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị T vắng mặt không có ý kiến, không tham gia các buổi kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà V trình bày chị T có trả được cho bà số tiền nợ hụi là 250.000.000đ, như vậy xem như chị T thừa nhận có nợ tiền hụi của bà V.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Buộc chị T phải trả số tiền nợ hụi là 172.000.000đ cho bà V.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.600.000đồng.

Bà V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Võ Thị V đối với số tiền nợ hụi là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) yêu cầu chị Võ Thị T phải trả.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị V.

Buộc chị Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị V số tiền hụi còn nợ là 172.000.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Võ Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm đồng).

Bà Võ Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu

